

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1077/TTr-STNMT ngày 08/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh tại Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh.

Khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quy hoạch khai thác để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách nhà nước, khu vực được thể hiện tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

- Triển khai, công bố công khai khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại trụ sở làm việc; sao gửi tài liệu kết quả cho các Sở, ngành có liên quan, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND huyện Vân Canh và UBND huyện Hoài Ân sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Căn cứ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND thành phố Quy

Nhon, UBND huyện Vân Canh và UBND huyện Hoài Ân tham mưu UBND tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu trên theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. UBND thành phố Quy Nhơn, UBND huyện Vân Canh, UBND huyện Hoài Ân căn cứ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, tổ chức công tác quản lý hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này bổ sung Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND UBND thành phố Quy Nhơn; UBND huyện Hoài Ân; UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh
- Cục KS Việt Nam;
- Chi Cục KS miền Trung;
- Lưu: VT, K4, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC ĐIỂM MỎ VẬT LIỆU BỔ SUNG VÀO KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ
THUỘC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

TT	Số hiệu điểm mỏ	Vị trí	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 108°15', múi 3°		Diện tích (ha)	Văn bản chấp thuận chủ trương
				X(m)	Y(m)		
1	36D	xã Ân Tín và xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân	Khu vực 1			15	Theo Văn bản số 5668/UBND-KT ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh
			1	1.596.210	575.620		
			2	1.596.179	575.752		
			3	1.595.395	575.373		
			4	1.595.242	575.283		
			5	1.595.114	575.156		
			6	1.595.001	574.997		
			7	1.595.072	574.928		
			8	1.595.181	575.078		
			9	1.595.305	575.199		
			10	1.595.446	575.295		
			Khu vực 2			9,7	
			1	1.595.895	573.661		
			2	1.595.944	573.755		
			3	1.595.635	573.948		
			4	1.595.253	574.074		
			5	1.594.982	574.214		
			6	1.594.957	574.163		
			7	1.595.224	574.008		
			8	1.595.587	573.843		
2	QN03	Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	1	1.518.266	598.880	2,5	Theo Văn bản số 6217/UBND-KT ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh
			2	1.518.282	598.995		
			3	1.518.291	599.067		
			4	1.518.406	599.049		
			5	1.518.436	598.885		
3	Mỏ cát sông Hà Thanh	xã Canh Hiên và xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	1	1.510.710	5.832.496	1,1	Theo Văn bản số 2757/UBND-KT ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh
			2	1.510.676	583.515		
			3	1.510.625	583.428		
			4	1.510.512	583.339		
			5	1.510.576	583.293		